

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUÂN ĐỘI
BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC
TỪ CÁC ĐỢT PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU RIÊNG LẺ
CÒN DƯ NỢ TẠI NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2023
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	2 - 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5 - 6
BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ CÁC ĐỢT PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU RIÊNG LẺ CÒN DƯ NỢ TẠI NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2023	7 - 22
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ CÁC ĐỢT PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU RIÊNG LẺ CÒN DƯ NỢ TẠI NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2023	23 - 25

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (sau đây gọi tắt là “**Ngân hàng**”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu đối với trái phiếu còn dư nợ tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 (“**các trái phiếu còn dư nợ**”) (sau đây gọi tắt là “**Báo cáo tình hình sử dụng vốn**”) đã được kiểm toán.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành Ngân hàng đã điều hành Ngân hàng trong giai đoạn từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 và đến ngày lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lưu Trung Thái	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 12/04/2023
	Phó Chủ tịch HĐQT	Miễn nhiệm ngày 12/04/2023
Ông Lê Hữu Đức	Chủ tịch HĐQT	Miễn nhiệm ngày 12/04/2023
Bà Vũ Thị Hải Phượng	Phó Chủ tịch HĐQT	
Ông Đỗ Minh Phương	Phó Chủ tịch HĐQT	
Bà Nguyễn Thị Thủy	Thành viên HĐQT	
Bà Nguyễn Thị Ngọc	Thành viên HĐQT	
Ông Lê Viết Hải	Thành viên HĐQT	
Ông Kiều Đặng Hùng	Thành viên HĐQT	
Bà Vũ Thái Huyền	Thành viên HĐQT	
Ông Ngô Minh Thuận	Thành viên HĐQT	
Ông Trần Trung Tín	Thành viên HĐQT độc lập	

Ban kiểm soát

Bà Lê Thị Lợi	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Nguyễn Thị An Bình	Phó Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Đỗ Văn Hưng	Thành viên BKS
Bà Đỗ Thị Tuyết Mai	Thành viên BKS

Ban Điều hành

Ông Phạm Như Ánh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 18/05/2023
Ông Lưu Trung Thái	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 12/04/2023
Bà Nguyễn Minh Châu	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Phạm Thị Trung Hà	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trần Minh Đạt	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Hà Trọng Khiêm	Phó Tổng Giám đốc	

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP)

Ban Điều hành (tiếp)

Ông Lê Quốc Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Xuân Vũ	Thành viên BĐH
Bà Trần Thị Bảo Quế	Thành viên BĐH
Ông Vũ Thành Trung	Thành viên BĐH
Ông Vũ Hồng Phú	Thành viên BĐH
Ông Nguyễn Xuân Học	Thành viên BĐH
Bà Nguyễn Thị Thanh Nga	Giám đốc Tài chính

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng tại ngày lập Báo cáo này là Ông Lưu Trung Thái - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Ông Phạm Như Ánh - Tổng Giám đốc được ủy quyền theo Giấy Ủy quyền số 369/UQ-MB-HĐQT của Chủ tịch Hội đồng Quản trị ngày 18/05/2023.

Bà Nguyễn Minh Châu - Phó Tổng Giám đốc được ủy quyền ký/ký kết các văn bản, tài liệu, chứng từ liên quan đến việc phát hành trái phiếu/mua lại trái phiếu đã phát hành của MB theo Giấy Ủy quyền số 245/UQ-MB-HĐQT của Chủ tịch Hội đồng Quản trị ngày 13/04/2023.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tình hình sử dụng vốn kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH NGÂN HÀNG ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN

Ban Điều hành Ngân hàng cam kết đã tuân thủ các yêu cầu của Nghị định số 08/2023/NĐ-CP ngày 05/03/2023 và Nghị định số 65/2022/NĐ-CP ngày 16/09/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về việc chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế trong việc lập báo cáo tiến độ sử dụng vốn phù hợp với cơ sở lập báo cáo được trình bày tại Thuyết minh số 2 “Cơ sở trình bày báo cáo tình hình sử dụng vốn”.

Trong việc lập báo cáo này cũng như toàn bộ các chỉ tiêu khác về tình hình sử dụng vốn đối với các trái phiếu nói chung, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tình hình sử dụng vốn đối với các trái phiếu;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu trong việc lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn nhằm hạn chế rủi ro và gian lận;
- Lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn đối với các trái phiếu trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Ngân hàng sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH NGÂN HÀNG ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN (TIẾP)

Ban Điều hành Ngân hàng cũng chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình sử dụng vốn của các trái phiếu do Ngân hàng phát hành ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo này tuân thủ các quy định pháp lý hiện hành về việc chào bán, giao dịch, cũng như tình hình sử dụng vốn của các trái phiếu. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản cũng như khả năng trả nợ trái phiếu của Ngân hàng và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG BỐ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Theo ý kiến của Ban Điều hành, Ngân hàng ưu tiên việc sử dụng hết nguồn tiền huy động từ phát hành trái phiếu cho mục đích giải ngân các khoản cho vay khách hàng cá nhân và doanh nghiệp theo đúng mục đích phát hành của trái phiếu đã công bố; sau đó mới sử dụng các nguồn khác phục vụ giải ngân cho hoạt động cho vay. Báo cáo tình hình sử dụng vốn đã được lập và trình bày phù hợp với cơ sở lập báo cáo được trình bày tại Thuyết minh số 2 - "Cơ sở trình bày báo cáo tình hình sử dụng vốn".

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Điều hành cam kết rằng Ngân hàng đã tuân thủ theo quy định tại Nghị định 08/2023/NĐ-CP ngày 05/03/2023, Nghị định số 65/2022/NĐ-CP ngày 16/09/2022 sửa đổi bổ sung Nghị định số 153/2020/NĐ-CP và Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế và Thông tư số 122/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ công bố thông tin và báo cáo theo quy định của Nghị định số 153/2020/NĐ-CP. Ban Điều hành Ngân hàng cam kết tiếp tục duy trì khả năng hoạt động tài chính, tình hình kinh doanh của Ngân hàng và dùng các nguồn lực hợp pháp để đảm bảo việc thanh toán lãi và gốc Trái phiếu đúng hạn.

Thay mặt và đại diện cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội.



Ông Phạm Như Anh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2023

Số: 843/2023/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Ban Điều hành
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu đối với trái phiếu còn dư nợ tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (gọi tắt là “**Ngân hàng**”), được lập ngày 15/08/2023, trình bày từ trang 07 đến trang 25. Báo cáo về tình hình sử dụng số tiền thu được từ các đợt phát hành trái phiếu riêng lẻ còn dư nợ tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 (“**Các trái phiếu còn dư nợ**”) của Ngân hàng (gọi tắt là “**Báo cáo tình hình sử dụng vốn**”) bao gồm: Báo cáo tình hình sử dụng vốn và bản Thuyết minh Báo cáo tình hình sử dụng vốn kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Như được trình bày tại Báo cáo của Ban Điều hành tại từ trang 2 tới trang 4, Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tình hình sử dụng vốn và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tình hình sử dụng vốn dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tình hình sử dụng vốn. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tình hình sử dụng vốn do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng liên quan đến việc lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn đối với các trái phiếu nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tình hình sử dụng vốn.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tình hình sử dụng vốn đã được lập và trình bày, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tuân thủ với cơ sở kế toán được trình bày tại Thuyết minh số 2 “Cơ sở trình bày báo cáo tình hình sử dụng vốn” của Thuyết minh Báo cáo tình hình sử dụng vốn.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không nhằm phủ nhận ý kiến kiểm toán trên, chúng tôi xin lưu ý người đọc Báo cáo tình hình sử dụng vốn đến Thuyết minh số 2.3 - Mục đích sử dụng báo cáo: Báo cáo này được lập trên cơ sở thực thu - thực chi từ các đợt chào bán trái phiếu riêng lẻ tại thị trường trong nước đối với các trái phiếu còn dư nợ. Báo cáo tình hình sử dụng vốn này chỉ sử dụng cho mục đích báo cáo cho các bên liên quan theo quy định tại Nghị định số 08/2023/NĐ-CP ngày 05/03/2023 và Nghị định số 65/2022/NĐ-CP ngày 16/09/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về việc chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế và không sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.

Vấn đề khác

Báo cáo này chỉ liên quan đến tình hình sử dụng vốn của các Trái phiếu còn dư nợ tại 30/06/2023 mà không liên quan tới toàn bộ Báo cáo tài chính của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội.



Lê Quang Nghĩa

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán số:

3660-2021-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2023

Bùi Minh Đức

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán số:

5586-2021-112-1

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ CÁC ĐỢT PHÁT HÀNH
TRÁI PHIẾU RIÊNG LẺ CÒN DƯ NỢ TẠI NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2023**

I. THÔNG TIN VỀ CÁC TRÁI PHIẾU PHÁT HÀNH

1. Thông tin chung

STT	Nội dung	Thông tin
1.1	Tên Trái Phiếu	Trái Phiếu Ngân hàng Ngân hàng TMCP Quân đội
1.2	Loại Trái Phiếu	Trái Phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và không có tài sản bảo đảm
1.3	Hình thức phát hành (i)	Phát hành riêng lẻ thông qua đại lý phát hành/Bán trực tiếp cho nhà đầu tư
1.4	Đồng tiền phát hành và thanh toán Trái Phiếu	Đồng Việt Nam (VND)
1.5	Hình thức Trái Phiếu	Phát hành dưới hình thức bút toán ghi sổ
1.6	Mệnh giá (ii)	1.000.000.000 VND/100.000.000 VND/10.000.000 VND
1.7	Phương thức trả lãi	Định kỳ - Cuối kỳ
1.8	Kỳ hạn trả lãi	Định kỳ 12 tháng/lần
1.9	Tổ chức tư vấn hồ sơ chào bán (iii)	Công ty Cổ phần Chứng khoán MB/ Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
1.10	Đại lý Đăng ký, lưu ký và Quản lý chuyển nhượng (iv)	Ngân hàng TMCP Quân đội / Công ty Cổ phần Chứng khoán MB/ Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV
1.11	Danh sách các Hợp đồng thế chấp/cầm cố tài sản đảm bảo	Không có
1.12	Kế hoạch bố trí nguồn thanh toán gốc, lãi Trái phiếu	Nội dung chi tiết tại mục I.1. (v)
1.13	Phương thức chuyển đổi	Không có
1.14	Lãi suất (vi)	Lãi suất cố định/ Lãi suất thả nổi

I. THÔNG TIN VỀ CÁC TRÁI PHIẾU PHÁT HÀNH (TIẾP)

1. Thông tin chung (tiếp)

- (i) **Hình thức phát hành:** được phân loại dựa theo thời điểm có hiệu lực của các Nghị định của Chính phủ về Trái phiếu doanh nghiệp, chi tiết cụ thể như sau:

STT	Mã trái phiếu	Quy định pháp luật
1	MB.BOND.2017.10Y.01; MB.BOND.2017.10Y.08; MB.BOND.2017.7Y.07; MB.BOND.2017.7Y.10; MB.BOND.2017.7Y.13; MB.BOND.2017.7Y.14; MB.BOND.2017.7Y.16; MB.2018.10Y.01; MB.2018.10Y.02; MB.2018.10Y.03; MB.2018.10Y.04; MB.2018.10Y.05; MB.2018.5Y.01; MB.2018.5Y.02; MB.2018.5Y.03; MB.2018.5Y.04; MB.2018.5Y.05; MB.2018.5Y.12; MB.2018.5Y.15; MB.2018.5Y.16; MB.2018.5Y.17; MB.2018.7Y.01; MB.2018.7Y.02	Phát hành riêng lẻ theo phương thức bán trực tiếp cho nhà đầu tư theo quy định của Nghị Định số 90/2011/NĐ-CP ngày 14/10/2011 của Chính phủ về phát hành Trái phiếu Doanh nghiệp.
2	MB.2019.10Y.01; MB.2019.10Y.02; MB.2019.5Y.01	Phát hành riêng lẻ theo phương thức bán trực tiếp cho nhà đầu tư theo quy định của Nghị định số 163/2018/NĐ-CP ngày 04/12/2018 của Chính phủ về phát hành Trái phiếu Doanh nghiệp.
3	MBBH2128002	Phát hành riêng lẻ theo phương thức đại lý phát hành theo quy định của Nghị Định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp.
4	MBBL2229021	Phát hành riêng lẻ theo phương thức bán trực tiếp cho nhà đầu tư theo quy định của Nghị Định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp và Nghị định số 65/2022/NĐ-CP ngày 16 tháng 09 năm 2022 sửa đổi bổ sung 1 số điều của Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020.
5	Các mã trái phiếu còn lại	Phát hành riêng lẻ theo phương thức bán trực tiếp cho nhà đầu tư theo quy định của Nghị Định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp.

I. THÔNG TIN VỀ CÁC TRÁI PHIẾU PHÁT HÀNH (TIẾP)

1. Thông tin chung (tiếp)

(ii) **Mệnh giá:** chi tiết cụ thể như sau:

STT	Mã Trái phiếu	Mệnh giá (VND)
1	MBBH2128002; MBBL2128001; MBBL2128003; MBBL2128004; MBBL2128005; MBBL2128006; MBBL2128007; MBBL2128008; MBBL2128009; MBBL2128010; MBBL2128011; MBBL2128012; MBBL2128013; MBBL2128014; MBBL2128016; MBBL2128017; MBBL2128018; MBBL2128019; MBBL2128021; MBBL2128025; MBBL2128029; MBBL2128030; MBBL2227006; MBBL2227007; MBBL2227008; MBBL2227015; MBBL2229009; MBBL2229010; MBBL2229012; MBBL2229014; MBBL2229016; MBBL2229018; MBBL2229020	10.000.000
2	MB.2018.10Y.01; MB.2018.10Y.02; MB.2018.10Y.03; MB.2018.10Y.04; MB.2018.10Y.05; MB.2018.5Y.01; MB.2018.5Y.02; MB.2018.5Y.03; MB.2018.5Y.04; MB.2018.5Y.05; MB.2018.5Y.12; MB.2018.5Y.15; MB.2018.5Y.16; MB.2018.5Y.17; MB.2018.7Y.01; MB.2018.7Y.02; MB.2019.10Y.01; MB.2019.10Y.02; MB.2019.5Y.01; MB.BOND.2017.10Y.01; MB.BOND.2017.10Y.08; MB.BOND.2017.7Y.07; MB.BOND.2017.7Y.10; MB.BOND.2017.7Y.13; MB.BOND.2017.7Y.14; MB.BOND.2017.7Y.16	100.000.000
3	MBBL2225001; MBBL2225002; MBBL2225003; MBBL2225004; MBBL2225005; MBBL2225011; MBBL2225013; MBBL2225017; MBBL2225019; MBBL2229021	1.000.000.000

(iii) **Tổ chức tư vấn hồ sơ chào bán:** chi tiết cụ thể như sau:

STT	Mã Trái phiếu	Tổ chức tư vấn hồ sơ chào bán
1	MBBL2229021	Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV
2	Các mã Trái phiếu còn lại (*)	Công ty Cổ phần chứng khoán MB

(*) Các trái phiếu mã MB.2019.10Y.01, MB.2019.10Y.02, MB.2019.5Y.01 không có tổ chức tư vấn hồ sơ chào bán

(iv) **Đại lý Đăng ký, lưu ký và Quản lý chuyển nhượng:** chi tiết cụ thể như sau:

STT	Mã Trái phiếu	Đại lý Đăng ký, lưu ký và Quản lý chuyển nhượng
1	MB.2018.5Y.05; MB.2019.10Y.01; MB.2019.5Y.01; MB.2019.10Y.02	Ngân hàng TMCP Quân đội (MB Bank)
2	MBBL2229021	Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV
3	Các mã trái phiếu còn lại	Công ty Cổ phần Chứng khoán MB

I. THÔNG TIN VỀ CÁC TRÁI PHIẾU PHÁT HÀNH (TIẾP)

1. Thông tin chung (tiếp)

(v) **Kế hoạch bố trí nguồn thanh toán gốc, lãi Trái phiếu:** chi tiết cụ thể như sau:

STT	Mã Trái phiếu	Kế hoạch bố trí nguồn thanh toán gốc, lãi Trái phiếu
1	MBBH2128002; MBBL2128001; MBBL2128003; MBBL2128004; MBBL2128005; MBBL2128006; MBBL2128007; MBBL2128008; MBBL2128009; MBBL2128010; MBBL2128011; MBBL2128012; MBBL2128013; MBBL2128014; MBBL2128016; MBBL2128017; MBBL2128018; MBBL2128019; MBBL2128021; MBBL2128025; MBBL2128029; MBBL2128030; MBBL2227006; MBBL2227007; MBBL2227008; MBBL2227015; MBBL2229009; MBBL2229010; MBBL2229012; MBBL2229014; MBBL2229016; MBBL2229018; MBBL2229020; MBBL2225001; MBBL2225002; MBBL2225003; MBBL2225004; MBBL2225005; MBBL2225011; MBBL2225013; MBBL2225017; MBBL2225019; MBBL2229021	Tổ Chức Phát Hành sử dụng nguồn thu từ các khoản cho vay hoặc dùng các nguồn cho vay, đầu tư đến hạn khác hoặc các nguồn vốn hợp pháp khác để thanh toán gốc và lãi Trái Phiếu
2	MB.2018.10Y.01; MB.2018.10Y.02; MB.2018.10Y.03; MB.2018.10Y.04; MB.2018.10Y.05; MB.2018.5Y.01; MB.2018.5Y.02; MB.2018.5Y.03; MB.2018.5Y.04; MB.2018.5Y.05; MB.2018.5Y.12; MB.2018.5Y.15; MB.2018.5Y.16; MB.2018.5Y.17; MB.2018.7Y.01; MB.2018.7Y.02; MB.2019.10Y.01; MB.2019.10Y.02; MB.2019.5Y.01; MB.BOND.2017.10Y.01; MB.BOND.2017.10Y.08; MB.BOND.2017.7Y.07; MB.BOND.2017.7Y.10; MB.BOND.2017.7Y.13; MB.BOND.2017.7Y.14; MB.BOND.2017.7Y.16	Tổ chức phát hành cam kết sử dụng nguồn thu từ cho vay tín dụng trung hạn và các khoản cho vay đầu tư khác đến hạn hoặc các nguồn trả nợ khác của Tổ chức phát hành để phục vụ cho việc thanh toán nợ gốc và lãi Trái phiếu cho đợt phát hành khi đến hạn thanh toán gốc, lãi trái phiếu.

I. THÔNG TIN VỀ CÁC TRÁI PHIẾU PHÁT HÀNH (TIẾP)

1. Thông tin chung (tiếp)

(vi) **Lãi suất:** Bao gồm lãi suất cố định và lãi suất thả nổi, chi tiết như sau:

Lãi suất cố định:

STT	Mã Trái phiếu	Lãi suất (%/năm)
1	MB BOND.2017.10Y.01; MB BOND.2017.10Y.08 (*)	8,40
2	MB BOND.2017.7Y.07; MB BOND.2017.7Y.10; MB BOND.2017.7Y.16	8,45
3	MB.2018.10Y.02; MB.2018.10Y.03; MB.2018.10Y.04; MB.2018.10Y.05	8,50
4	MB.2018.7Y.01	8,40
5	MB.2019.10Y.01	8,60
6	MB.2019.10Y.02	8,70
7	MBBL2128003; MBBL2128014; MBBL2128016; MBBL2128018; MBBL2128019; MBBL2128021; MBBL2128030 (**)	7,10
8	MBBL2128009	7,20
9	MBBL2225001; MBBL2225002; MBBL2225003; MBBL2225004; MBBL2225005	3,80
10	MBBL2225011	4,10
11	MBBL2225013	4,00
12	MBBL2229016	7,05
13	MBBL2225017	4,80
14	MBBL2225019	5,20
15	MBBL2229021	8,80

(*) Lãi suất áp dụng cho 5 năm đầu là 8,4%/năm và 5 năm sau là 8,6%/năm.

(**) Trường hợp Tổ chức phát hành không thực hiện quyền mua lại tại Ngày mua lại trước hạn, lãi suất trái phiếu áp dụng cho kỳ tính lãi năm thứ 6 và thứ 7 là 7,8%.

I. THÔNG TIN VỀ CÁC TRÁI PHIẾU PHÁT HÀNH (TIẾP)

1. Thông tin chung (tiếp)

(vi). Lãi suất (tiếp):

Lãi suất thả nổi được xác định như sau:

Nhóm Trái phiếu có lãi suất thả nổi có điều chỉnh hàng năm theo biên độ (Lãi suất tham chiếu + Biên độ). Chi tiết tại bảng dưới đây:

STT	Mã Trái Phiếu	Biên độ (%)
1	MB.BOND.2017.7Y.13	1,725
2	MB.BOND.2017.7Y.14	1,725
3	MB.2018.5Y.03	1,500
4	MB.2018.5Y.04	1,500
5	MB.2018.5Y.02	1,500
6	MB.2018.10Y.01	1,800
7	MB.2018.5Y.01	1,500
8	MB.2018.5Y.15	1,500
9	MB.2018.7Y.02	1,700
10	MB.2018.5Y.12	1,500
11	MB.2018.5Y.16	1,500
12	MB.2018.5Y.17	1,500
13	MB.2018.5Y.05	1,000
14	MB.2019.5Y.01	1,800
15	MBBL2128001	1,700
16	MBBH2128002	1,700
17	MBBL2128004	1,700
18	MBBL2128005	1,700
19	MBBL2128008	1,700
20	MBBL2227006	1,500
21	MBBL2227007	1,500
22	MBBL2227008	1,500
23	MBBL2227015	1,400
24	MBBL2229020	1,500

I. THÔNG TIN VỀ CÁC TRÁI PHIẾU PHÁT HÀNH (TIẾP)

1. Thông tin chung (tiếp)

(vi). Lãi suất (tiếp):

Nhóm Trái phiếu có lãi suất thả nổi có điều chỉnh hàng năm theo biên độ cho 5 năm đầu tiên, trong trường hợp Tổ chức phát hành không mua lại, biên độ được điều chỉnh cho năm thứ 6 đến ngày đáo hạn. Chi tiết tại bảng dưới đây:

STT	Mã Trái Phiếu	Biên độ từ năm đầu tiên đến năm thứ năm (%)	Biên độ từ năm thứ sáu đến khi đáo hạn (%)
1	MBBL2128006	1,50	2,20
2	MBBL2128007	1,50	2,20
3	MBBL2128010	1,50	2,20
4	MBBL2128012	1,50	2,20
5	MBBL2128013	1,50	2,20
6	MBBL2128017	1,50	2,20
7	MBBL2128025	1,50	2,20
8	MBBL2128029	1,50	2,20
9	MBBL2229009	1,30	2,00
10	MBBL2229010	1,30	2,00
11	MBBL2229012	1,30	2,00
12	MBBL2229014	1,30	2,00
13	MBBL2229018	1,30	2,00

Trong đó: Lãi suất tham chiếu là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân thông thường bằng đồng Việt Nam, kỳ hạn 12 tháng, lĩnh lãi cuối kỳ được công bố trên website của 04 Ngân hàng thương mại Việt Nam bao gồm: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam.

I. THÔNG TIN VỀ TRÁI PHIẾU PHÁT HÀNH (TIẾP)

2. Thông tin cụ thể về từng mã trái phiếu

STT	Mã Trái Phiếu	Kỳ hạn (năm)	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	KL phát hành	KL còn lưu hành	Lãi suất trái phiếu (%/năm) (*)	Tổng giá trị phát hành (VND)	Tổng dư nợ tại 30/06/2023 (VND)	Tổng gốc Trái phiếu đã thanh toán (VND) (**)	Tổng lãi Trái phiếu đã thanh toán (VND) (***)
1	MB.BOND.2017.10Y.01	10	07/09/2017	07/09/2027	5.000	5.000	8,600	500.000.000.000	500.000.000.000	-	210.000.000.000
2	MB.BOND.2017.10Y.08	10	10/10/2017	10/10/2027	200	200	8,600	20.000.000.000	20.000.000.000	-	8.400.000.000
3	MB.BOND.2017.7Y.07	7	10/10/2017	10/10/2024	1.000	1.000	8,450	100.000.000.000	100.000.000.000	-	42.250.000.000
4	MB.BOND.2017.7Y.10	7	24/11/2017	24/11/2024	600	600	8,450	60.000.000.000	60.000.000.000	-	25.350.000.000
5	MB.BOND.2017.7Y.13	7	14/12/2017	14/12/2024	2.000	2.000	9,125	200.000.000.000	200.000.000.000	-	80.200.000.000
6	MB.BOND.2017.7Y.14	7	22/12/2017	22/12/2024	6.000	6.000	9,125	600.000.000.000	600.000.000.000	-	240.300.000.000
7	MB.BOND.2017.7Y.16	7	28/12/2017	28/12/2024	250	250	8,450	25.000.000.000	25.000.000.000	-	10.562.500.000
8	MB.2018.10Y.01	10	16/10/2018	16/10/2028	1.700	1.700	8,200	170.000.000.000	170.000.000.000	-	54.995.000.000
9	MB.2018.10Y.02	10	17/10/2018	17/10/2028	1.400	1.400	8,500	140.000.000.000	140.000.000.000	-	47.600.000.000
10	MB.2018.10Y.03	10	26/10/2018	26/10/2028	250	250	8,500	25.000.000.000	25.000.000.000	-	8.500.000.000
11	MB.2018.10Y.04	10	28/11/2018	28/11/2028	450	450	8,500	45.000.000.000	45.000.000.000	-	15.300.000.000
12	MB.2018.10Y.05	10	28/11/2018	28/11/2028	200	200	8,500	20.000.000.000	20.000.000.000	-	6.800.000.000
13	MB.2018.5Y.01	5	16/10/2018	17/10/2023	2.000	2.000	7,900	200.000.000.000	200.000.000.000	-	62.300.000.000
14	MB.2018.5Y.02	5	17/10/2018	18/10/2023	1.600	1.600	7,900	160.000.000.000	160.000.000.000	-	49.760.000.000
15	MB.2018.5Y.03	5	18/10/2018	19/10/2023	700	700	7,900	70.000.000.000	70.000.000.000	-	21.770.000.000
16	MB.2018.5Y.04	5	18/10/2018	19/10/2023	3.000	3.000	7,900	300.000.000.000	300.000.000.000	-	93.300.000.000
17	MB.2018.5Y.05	5	24/10/2018	25/10/2023	6	6	7,400	600.000.000	600.000.000	-	174.000.000
18	MB.2018.5Y.12	5	13/12/2018	14/12/2023	2.000	2.000	8,900	200.000.000.000	200.000.000.000	-	61.600.000.000
19	MB.2018.5Y.15	5	07/12/2018	08/12/2023	500	500	8,900	50.000.000.000	50.000.000.000	-	15.475.000.000
20	MB.2018.5Y.16	5	19/12/2018	20/12/2023	1.500	1.500	8,900	150.000.000.000	150.000.000.000	-	46.125.000.000
21	MB.2018.5Y.17	5	24/12/2018	25/12/2023	5.000	5.000	8,900	500.000.000.000	500.000.000.000	-	153.750.000.000
22	MB.2018.7Y.01	7	29/11/2018	29/11/2025	400	400	8,400	40.000.000.000	40.000.000.000	-	13.440.000.000
23	MB.2018.7Y.02	7	12/12/2018	12/12/2025	4.000	4.000	9,100	400.000.000.000	400.000.000.000	-	126.400.000.000
24	MB.2019.10Y.01	10	30/09/2019	30/09/2029	600	600	8,600	60.000.000.000	60.000.000.000	-	15.480.000.000

I. THÔNG TIN VỀ TRÁI PHIẾU PHÁT HÀNH (TIẾP)

2. Thông tin cụ thể về từng mã trái phiếu

STT	Mã Trái Phiếu	Kỳ hạn (năm)	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	KL phát hành	KL còn lưu hành	Lãi suất trái phiếu (%/năm) (*)	Tổng giá trị phát hành (VND)	Tổng dư nợ tại 30/06/2023 (VND)	Tổng gốc Trái phiếu đã thanh toán (VND) (**)	Tổng lãi Trái phiếu đã thanh toán (VND) (***)
25	MB.2019.10Y.02	10	04/11/2019	04/11/2029	800	800	8,700	80.000.000.000	80.000.000.000	-	20.880.000.000
26	MB.2019.5Y.01	5	11/10/2019	12/10/2024	500	500	8,200	50.000.000.000	50.000.000.000	-	11.912.500.000
27	MBBH2128002	7	31/08/2021	31/08/2028	10.000	10.000	7,300	100.000.000.000	100.000.000.000	-	7.225.000.000
28	MBBL2128001	7	31/08/2021	31/08/2028	17.000	17.000	7,300	170.000.000.000	170.000.000.000	-	12.282.500.000
29	MBBL2128003	7	31/08/2021	31/08/2028	10.000	10.000	7,100	100.000.000.000	100.000.000.000	-	7.100.000.000
30	MBBL2128004	7	10/09/2021	10/09/2028	12.000	12.000	7,300	120.000.000.000	120.000.000.000	-	8.670.000.000
31	MBBL2128005	7	20/09/2021	20/09/2028	24.500	24.500	7,300	245.000.000.000	245.000.000.000	-	17.701.250.000
32	MBBL2128006	7	23/09/2021	23/09/2028	51.500	51.500	7,100	515.000.000.000	515.000.000.000	-	36.178.750.000
33	MBBL2128007	7	04/10/2021	04/10/2028	10.000	10.000	7,100	100.000.000.000	100.000.000.000	-	7.025.000.000
34	MBBL2128008	7	05/10/2021	05/10/2028	20.000	20.000	7,300	200.000.000.000	200.000.000.000	-	14.450.000.000
35	MBBL2128009	7	25/10/2021	25/10/2028	22.000	22.000	7,200	220.000.000.000	220.000.000.000	-	15.840.000.000
36	MBBL2128010	7	14/10/2021	14/10/2028	10.000	10.000	7,900	100.000.000.000	100.000.000.000	-	7.025.000.000
37	MBBL2128011	7	25/10/2021	25/10/2028	8.000	8.000	8,100	80.000.000.000	80.000.000.000	-	5.780.000.000
38	MBBL2128012	7	03/11/2021	03/11/2028	15.000	15.000	7,900	150.000.000.000	150.000.000.000	-	10.537.500.000
39	MBBL2128013	7	11/11/2021	11/11/2028	20.000	20.000	8,900	200.000.000.000	200.000.000.000	-	14.050.000.000
40	MBBL2128014	7	30/11/2021	30/11/2028	100	100	7,100	1.000.000.000	1.000.000.000	-	71.000.000
41	MBBL2128016	7	15/12/2021	15/12/2028	39.700	39.700	7,100	397.000.000.000	397.000.000.000	-	28.187.000.000
42	MBBL2128017	7	22/12/2021	22/12/2028	30.000	30.000	8,900	300.000.000.000	300.000.000.000	-	21.075.000.000
43	MBBL2128018	7	17/12/2021	17/12/2028	40.000	40.000	7,100	400.000.000.000	400.000.000.000	-	28.400.000.000
44	MBBL2128019	7	18/12/2021	18/12/2028	29.900	29.900	7,100	299.000.000.000	299.000.000.000	-	21.229.000.000
45	MBBL2128021	7	21/12/2021	21/12/2028	2.000	2.000	7,100	20.000.000.000	20.000.000.000	-	1.420.000.000
46	MBBL2128025	7	29/12/2021	29/12/2028	100.000	100.000	8,900	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000	-	70.250.000.000
47	MBBL2128029	7	31/12/2021	31/12/2028	3.000	3.000	8,900	30.000.000.000	30.000.000.000	-	2.107.500.000
48	MBBL2128030	7	31/12/2021	31/12/2028	300	300	7,100	3.000.000.000	3.000.000.000	-	213.000.000
49	MBBL2225001	3	05/04/2022	05/04/2025	700	700	3,800	700.000.000.000	700.000.000.000	-	26.600.000.000

I. THÔNG TIN VỀ TRÁI PHIẾU PHÁT HÀNH (TIẾP)

2. Thông tin cụ thể về từng mã trái phiếu

STT	Mã Trái Phiếu	Kỳ hạn (năm)	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	KL phát hành	KL còn lưu hành	Lãi suất trái phiếu (%/năm) (*)	Tổng giá trị phát hành (VND)	Tổng dư nợ tại 30/06/2023 (VND)	Tổng gốc Trái phiếu đã thanh toán (VND) (**)	Tổng lãi Trái phiếu đã thanh toán (VND) (**)
50	MBBL2225002	3	07/04/2022	07/04/2025	1.000	1.000	3,800	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000	-	38.000.000.000
51	MBBL2225003	3	12/04/2022	12/04/2025	700	700	3,800	700.000.000.000	700.000.000.000	-	26.600.000.000
52	MBBL2225004	3	15/04/2022	15/04/2025	2.000	2.000	3,800	2.000.000.000.000	2.000.000.000.000	-	76.000.000.000
53	MBBL2225005	3	18/04/2022	18/04/2025	200	200	3,800	200.000.000.000	200.000.000.000	-	7.600.000.000
54	MBBL2225011	3	24/05/2022	24/05/2025	1.300	1.300	4,100	1.300.000.000.000	1.300.000.000.000	-	53.300.000.000
55	MBBL2225013	3	03/06/2022	03/06/2025	2.500	2.500	4,000	2.500.000.000.000	2.500.000.000.000	-	100.000.000.000
56	MBBL2225017	3	26/07/2022	26/07/2025	3.000	3.000	4,800	3.000.000.000.000	3.000.000.000.000	-	0
57	MBBL2225019	3	24/08/2022	24/08/2025	500	500	5,200	500.000.000.000	500.000.000.000	-	0
58	MBBL2227006	5	29/04/2022	30/04/2027	36.000	36.000	7,025	360.000.000.000	360.000.000.000	-	25.290.000.000
59	MBBL2227007	5	06/05/2022	07/05/2027	5.000	5.000	7,025	50.000.000.000	50.000.000.000	-	3.512.500.000
60	MBBL2227008	5	09/05/2022	10/05/2027	4.000	4.000	7,025	40.000.000.000	40.000.000.000	-	2.810.000.000
61	MBBL2227015	5	15/06/2022	16/06/2027	5.000	5.000	6,950	50.000.000.000	50.000.000.000	-	3.475.000.000
62	MBBL2229009	7	12/05/2022	12/05/2029	10.000	10.000	6,825	100.000.000.000	100.000.000.000	-	6.825.000.000
63	MBBL2229010	7	13/05/2022	13/05/2029	101.000	101.000	6,825	1.010.000.000.000	1.010.000.000.000	-	68.932.500.000
64	MBBL2229012	7	02/06/2022	02/06/2029	10.000	10.000	6,825	100.000.000.000	100.000.000.000	-	6.825.000.000
65	MBBL2229014	7	10/06/2022	10/06/2029	3.000	3.000	6,850	30.000.000.000	30.000.000.000	-	2.055.000.000
66	MBBL2229016	7	15/06/2022	15/06/2029	5.000	5.000	7,050	50.000.000.000	50.000.000.000	-	3.525.000.000
67	MBBL2229018	7	28/07/2022	28/07/2029	3.000	3.000	6,900	30.000.000.000	30.000.000.000	-	0
68	MBBL2229020	7	16/09/2022	16/09/2029	10.000	10.000	7,100	100.000.000.000	100.000.000.000	-	0
69	MBBL2229021	7	30/12/2022	30/12/2029	200	200	8,800	200.000.000.000	200.000.000.000	-	0

(*) Lãi suất tại ngày 30/06/2023 của các mã Trái phiếu còn dư nợ tại ngày 30/06/2023.

(**) Các khoản gốc và lãi Trái phiếu đã thanh toán lũy kế tới ngày 30/06/2023. Các khoản gốc Trái Phiếu chưa tới kỳ thanh toán được trình bày là 0 ("0").



II. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG VỐN THEO PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH

Phương án sử dụng vốn phát hành trái phiếu đã được phê duyệt như sau:

STT	Mã trái phiếu	Khối lượng phát hành thực tế (trái phiếu)	Mục đích sử dụng vốn	Văn bản phê duyệt
1	MB.BOND.2017.10Y.01	5.000	Giúp Ngân hàng đa dạng kênh huy động vốn của mình, hạn chế rủi ro thanh khoản, rủi ro lãi suất do chênh lệch kỳ hạn giữa nguồn vốn huy động và việc sử dụng vốn, đồng thời hướng tới phục vụ khách hàng ngày càng hiệu quả hơn; bổ sung nguồn vốn cấp 2 và vốn tự có theo quy định của NHNN.	Thông báo của Hội đồng quản trị số 656.1/TB-MB-HĐQT ngày 11 tháng 07 năm 2017 về Quyết nghị của Hội đồng quản trị tại cuộc họp lần thứ 03 Trích sao số 29/TS-MB-HĐQT ngày 03/08/2022 của VB số 656.1/TB-MB-HĐQT ngày 11/07/2017.
2	MB.BOND.2017.10Y.08	200		
3	MB.BOND.2017.7Y.07	1.000		
4	MB.BOND.2017.7Y.10	600		
5	MB.BOND.2017.7Y.13	2.000		
6	MB.BOND.2017.7Y.14	6.000		
7	MB.BOND.2017.7Y.16	250		
8	MB.2018.10Y.01	1.700	Giúp MB đa dạng kênh huy động vốn của mình, hạn chế rủi ro thanh khoản, rủi ro lãi suất do chênh lệch kỳ hạn giữa nguồn vốn huy động và việc sử dụng vốn, đồng thời hướng tới phục vụ khách hàng ngày càng hiệu quả hơn; bổ sung nguồn vốn cấp 2 và vốn tự có theo quy định của NHNN.	Thông báo của Hội đồng quản trị số 886.2/TB-MB-HĐQT ngày 13/08/2018 về Nội dung quyết nghị của Hội đồng quản trị.
9	MB.2018.10Y.02	1.400		
10	MB.2018.10Y.03	250		
11	MB.2018.10Y.04	450		
12	MB.2018.10Y.05	200		
13	MB.2018.5Y.01	2.000		
14	MB.2018.5Y.02	1.600		
15	MB.2018.5Y.03	700		
16	MB.2018.5Y.04	3.000		
17	MB.2018.5Y.05	6		
18	MB.2018.5Y.12	2.000		
19	MB.2018.5Y.15	500		
20	MB.2018.5Y.16	1.500		
21	MB.2018.5Y.17	5.000		
22	MB.2018.7Y.01	400		
23	MB.2018.7Y.02	4.000		

II. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG VỐN THEO PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH (TIẾP)

STT	Mã trái phiếu	Khối lượng phát hành thực tế (trái phiếu)	Mục đích sử dụng vốn	Văn bản phê duyệt
24	MB.2019.10Y.01	600	Tăng quy mô vốn hoạt động của Ngân hàng và bổ sung vốn tự có cấp 2 theo quy định của Ngân hàng nhà nước	Thông báo của Hội đồng quản trị số 723.2/TB-MB-HĐQT ngày 03 tháng 07 năm 2019 về Quyết nghị của Hội đồng quản trị. Trích sao số 37/TS-MB-HĐQT ngày 11/09/2019 của VB số 723.2/TB-MB-HĐQT ngày 03/07/2019.
25	MB.2019.10Y.02	800		
26	MB.2019.5Y.01	500		
27	MBBH2128002	10.000	Bổ sung vốn cấp 2 dài hạn theo quy định của NHNN, phục vụ nhu cầu cấp tín dụng cũng như tăng quy mô vốn hoạt động của Ngân hàng nhằm đáp ứng mục tiêu tăng trưởng kinh doanh năm 2021 và các năm tiếp theo.	Thông báo số 436/TB-HĐQT ngày 23/06/2021 về Quyết nghị của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Quân đội thông qua phương án phát hành trái phiếu tăng vốn cấp 2 năm 2021.
28	MBBL2128001	17.000		
29	MBBL2128003	10.000		
30	MBBL2128004	12.000		
31	MBBL2128005	24.500		
32	MBBL2128006	51.500		
33	MBBL2128007	10.000		
34	MBBL2128008	20.000		
35	MBBL2128009	22.000		
36	MBBL2128010	10.000		
37	MBBL2128011	8.000		
38	MBBL2128012	15.000		
39	MBBL2128013	20.000		
40	MBBL2128014	100		
41	MBBL2128016	39.700		
42	MBBL2128017	30.000		
43	MBBL2128018	40.000		
44	MBBL2128019	29.900		
45	MBBL2128021	2.000		
46	MBBL2128025	100.000		
47	MBBL2128029	3.000		
48	MBBL2128030	300		

II. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG VỐN THEO PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH (TIẾP)

STT	Mã trái phiếu	Khối lượng phát hành thực tế (trái phiếu)	Mục đích sử dụng vốn	Vấn bản phê duyệt
49	MBBL2225001	700	Phục vụ nhu cầu cấp tín dụng cũng như tăng quy mô vốn hoạt động của Ngân hàng nhằm đáp ứng mục tiêu tăng trưởng kinh doanh năm 2022 và các năm tiếp theo	Thông báo số 99/TB-MB-HĐQT ngày 21/03/2022 về Quyết định của Hội đồng quản trị ngân hàng TMCP Quân đội thông qua phương án phát hành trái phiếu thường năm 2022 - Phương án phát hành riêng lẻ trái phiếu ngân hàng TMCP Quân đội - Phụ lục kèm theo Thông báo số 99/TB-MB-HĐQT ngày 21/03/2022 về Quyết định của Hội đồng quản trị ngân hàng TMCP Quân đội thông qua phương án phát hành trái phiếu thường năm 2022.
50	MBBL2225002	1.000		Nghị quyết số 02.2/NQ-MB-HĐQT ngày 21/03/2022 của Hội đồng quản trị ngân hàng TMCP Quân đội thông qua phương án phát hành trái phiếu thường năm 2022. Phương án phát hành riêng lẻ trái phiếu ngân hàng TMCP Quân đội - Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 02.2/NQ-MB-HĐQT ngày 21/03/2022 của Hội đồng quản trị ngân hàng TMCP Quân đội.
51	MBBL2225003	700		
52	MBBL2225004	2.000		
53	MBBL2225005	200		
54	MBBL2225011	1.300		
55	MBBL2227006	36.000	Bổ sung vốn cấp 2 dài hạn theo quy định của NHNN, phục vụ nhu cầu cấp tín dụng cũng như tăng quy mô vốn hoạt động của Ngân hàng nhằm đáp ứng mục tiêu tăng trưởng kinh doanh năm 2022 và các năm tiếp theo, phù hợp với quy định pháp luật tổ chức tín dụng	Nghị quyết số 02.1/NQ-MB-HĐQT ngày 09/03/2022 của Hội đồng quản trị ngân hàng TMCP Quân đội thông qua phương án phát hành trái phiếu tăng vốn cấp 2 năm 2022.
56	MBBL2227007	5.000		
57	MBBL2227008	4.000		
58	MBBL2229009	10.000		
59	MBBL2229010	101.000		
60	MBBL2229012	10.000		
61	MBBL2229014	3.000		
62	MBBL2227015	5.000		
63	MBBL2229016	5.000		
64	MBBL2229018	3.000		
65	MBBL2229020	10.000		
66	MBBL2225013	2.500	Phục vụ nhu cầu cấp tín dụng cũng như tăng quy mô vốn hoạt động của Ngân hàng nhằm đáp ứng mục tiêu tăng trưởng kinh doanh năm 2022 và các năm tiếp theo	Nghị quyết số 02.2/NQ-MB-HĐQT ngày 21/03/2022 của Hội đồng quản trị ngân hàng TMCP Quân đội thông qua phương án phát hành trái phiếu thường năm 2022. Phương án phát hành riêng lẻ trái phiếu ngân hàng TMCP Quân đội - Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 02.2/NQ-MB-
67	MBBL2225017	3.000		
68	MBBL2225019	500		

II. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG VỐN THEO PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH (TIẾP)

STT	Mã trái phiếu	Khối lượng phát hành thực tế (trái phiếu)	Mục đích sử dụng vốn	Vấn bản phê duyệt
69	MBBL2229021	200	Tăng vốn cấp 2 theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Kế hoạch sử dụng vốn: Số tiền thu được từ việc phát hành Trái phiếu sẽ được MB sử dụng để tăng vốn cấp 2, để cho vay đối với các khách hàng có nhu cầu vay vốn tại MB. Thời điểm giải ngân nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu sẽ theo thực tế sử dụng tiền thu được tại thời điểm đó.	HĐQT ngày 21/03/2022 của Hội đồng quản trị ngân hàng TMCP Quân đội. Nghị quyết số 38/NQ-MB-HĐQT ngày 27/12/2022 của Hội đồng quản trị ngân hàng TMCP Quân đội thông qua phương án phát hành trái phiếu tăng vốn cấp 2 năm 2022-2023

III. TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT PHÁT HÀNH

Chi tiết về kế hoạch sử dụng vốn huy động và tình hình sử dụng:

STT	Mã trái phiếu	Kế hoạch sử dụng (VND)	Thực tế sử dụng (VND)
1	MB.BOND.2017.10Y.01	500.000.000.000	500.000.000.000
2	MB.BOND.2017.10Y.08	20.000.000.000	20.000.000.000
3	MB.BOND.2017.7Y.07	100.000.000.000	100.000.000.000
4	MB.BOND.2017.7Y.10	60.000.000.000	60.000.000.000
5	MB.BOND.2017.7Y.13	200.000.000.000	200.000.000.000
6	MB.BOND.2017.7Y.14	600.000.000.000	600.000.000.000
7	MB.BOND.2017.7Y.16	25.000.000.000	25.000.000.000
8	MB.2018.10Y.01	170.000.000.000	170.000.000.000
9	MB.2018.10Y.02	140.000.000.000	140.000.000.000
10	MB.2018.10Y.03	25.000.000.000	25.000.000.000
11	MB.2018.10Y.04	45.000.000.000	45.000.000.000
12	MB.2018.10Y.05	20.000.000.000	20.000.000.000
13	MB.2018.5Y.01	200.000.000.000	200.000.000.000
14	MB.2018.5Y.02	160.000.000.000	160.000.000.000
15	MB.2018.5Y.03	70.000.000.000	70.000.000.000
16	MB.2018.5Y.04	300.000.000.000	300.000.000.000
17	MB.2018.5Y.05	600.000.000	600.000.000
18	MB.2018.5Y.12	200.000.000.000	200.000.000.000
19	MB.2018.5Y.15	50.000.000.000	50.000.000.000
20	MB.2018.5Y.16	150.000.000.000	150.000.000.000
21	MB.2018.5Y.17	500.000.000.000	500.000.000.000
22	MB.2018.7Y.01	40.000.000.000	40.000.000.000
23	MB.2018.7Y.02	400.000.000.000	400.000.000.000
24	MB.2019.10Y.01	60.000.000.000	60.000.000.000
25	MB.2019.10Y.02	80.000.000.000	80.000.000.000
26	MB.2019.5Y.01	50.000.000.000	50.000.000.000
27	MBBH2128002	100.000.000.000	100.000.000.000
28	MBBL2128001	170.000.000.000	170.000.000.000
29	MBBL2128003	100.000.000.000	100.000.000.000
30	MBBL2128004	120.000.000.000	120.000.000.000
31	MBBL2128005	245.000.000.000	245.000.000.000
32	MBBL2128006	515.000.000.000	515.000.000.000
33	MBBL2128007	100.000.000.000	100.000.000.000
34	MBBL2128008	200.000.000.000	200.000.000.000
35	MBBL2128009	220.000.000.000	220.000.000.000
36	MBBL2128010	100.000.000.000	100.000.000.000
37	MBBL2128011	80.000.000.000	80.000.000.000
38	MBBL2128012	150.000.000.000	150.000.000.000
39	MBBL2128013	200.000.000.000	200.000.000.000
40	MBBL2128014	1.000.000.000	1.000.000.000

III. TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT PHÁT HÀNH (TIẾP)

Chi tiết về kế hoạch sử dụng vốn huy động và tình hình sử dụng (tiếp):

STT	Mã trái phiếu	Kế hoạch sử dụng (VND)	Thực tế sử dụng (VND)
41	MBBL2128016	397.000.000.000	397.000.000.000
42	MBBL2128017	300.000.000.000	300.000.000.000
43	MBBL2128018	400.000.000.000	400.000.000.000
44	MBBL2128019	299.000.000.000	299.000.000.000
45	MBBL2128021	20.000.000.000	20.000.000.000
46	MBBL2128025	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
47	MBBL2128029	30.000.000.000	30.000.000.000
48	MBBL2128030	3.000.000.000	3.000.000.000
49	MBBL2225001	700.000.000.000	700.000.000.000
50	MBBL2225002	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
51	MBBL2225003	700.000.000.000	700.000.000.000
52	MBBL2225004	2.000.000.000.000	2.000.000.000.000
53	MBBL2225005	200.000.000.000	200.000.000.000
54	MBBL2225011	1.300.000.000.000	1.300.000.000.000
55	MBBL2225013	2.500.000.000.000	2.500.000.000.000
56	MBBL2225017	3.000.000.000.000	3.000.000.000.000
57	MBBL2225019	500.000.000.000	500.000.000.000
58	MBBL2227006	360.000.000.000	360.000.000.000
59	MBBL2227007	50.000.000.000	50.000.000.000
60	MBBL2227008	40.000.000.000	40.000.000.000
61	MBBL2227015	50.000.000.000	50.000.000.000
62	MBBL2229009	100.000.000.000	100.000.000.000
63	MBBL2229010	1.010.000.000.000	1.010.000.000.000
64	MBBL2229012	100.000.000.000	100.000.000.000
65	MBBL2229014	30.000.000.000	30.000.000.000
66	MBBL2229016	50.000.000.000	50.000.000.000
67	MBBL2229018	30.000.000.000	30.000.000.000
68	MBBL2229020	100.000.000.000	100.000.000.000
69	MBBL2229021	200.000.000.000	200.000.000.000
		22.935.600.000.000	22.935.600.000.000

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2023

Phòng Kinh doanh Trái
phiếu và Phát hành



Phạm Hồng Quân

Phòng Tài Chính



Ngô Trường Giang

Phòng Hỗ trợ Treasury
và Đầu tư



Đỗ Thị Hải Yến

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Minh Châu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo kèm theo).

1. KHÁI QUÁT VỀ NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUÂN ĐỘI

1.1. Đặc điểm hoạt động của Ngân hàng

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (sau đây gọi tắt là “Ngân hàng”) là một ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập và đăng ký tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Ngân hàng được thành lập theo Giấy phép hoạt động số 100/NH-GP ngày 17/10/2018 do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNN”) cấp, thay thế Giấy phép Hoạt động số 0054/NH-GP ngày 14/09/1994, và có thời hạn là 99 năm kể từ ngày 14/09/1994. Ngân hàng đang hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0100283873 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 30/09/1994 và Giấy phép thay đổi lần thứ 52 ngày 14/04/2023.

Hoạt động chính hiện tại của Ngân hàng là thực hiện các giao dịch Ngân hàng, bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ, các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế, chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác; cung cấp dịch vụ thanh toán và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNN cho phép.

1.2. Vốn điều lệ

Số vốn điều lệ của Ngân hàng tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 là 45.339.861 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 45.339.861 triệu đồng).

1.3. Mạng lưới hoạt động

Hội sở chính của ngân hàng đặt tại số 18 Lê Văn Lương, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Ngân hàng có một (01) Hội sở chính, một trăm (100) chi nhánh (trong đó có 1 chi nhánh nước ngoài), một trăm chín mươi chín (199) phòng giao dịch (trong đó có 1 phòng giao dịch tại nước ngoài), và một (1) văn phòng đại diện tại Nga.

1.4. Công ty con

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Ngân hàng có bảy (07) công ty con như sau:

STT	Tên Công ty	Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp	Lĩnh vực hoạt động	Tỷ lệ % sở hữu của Ngân hàng
1	Công ty TNHH Quản lý Nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (“MB AMC”)	0105281799 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 11/09/2002	Quản lý nợ và khai thác tài sản	100,00%
2	Công ty Cổ phần Chứng khoán MB (“MBS”)	116/GP-UBCK ngày 09/12/2013 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp	Chứng khoán	79,73%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo kèm theo)

1. KHÁI QUÁT VỀ NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUÂN ĐỘI (TIẾP)

1.4. Công ty con (tiếp)

STT	Tên Công ty	Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp	Lĩnh vực hoạt động	Tỷ lệ % sở hữu của Ngân hàng
3	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB ("MB Cap")	21/UBCK-GPĐCQLQ ngày 15/11/2007 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp	Quản lý quỹ đầu tư.	90,77%
4	Công ty Tài chính TNHH MB Shinsei (*) ("Mcredit")	27/GP-NHNN ngày 04/02/2016 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp	Tài chính tiêu dùng	50,00%
5	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội ("MIC")	43/GP/KDBH ngày 08/10/2017 do Bộ Tài chính cấp	Bảo hiểm phi nhân thọ	68,37%
6	Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ MB Ageas ("MBAL")	74/GP/KDBH ngày 21/07/2016 do Bộ Tài chính cấp	Bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe và đầu tư tài chính	61,00%
7	Ngân hàng Đại chúng TNHH MB Campuchia (MBCambodia)	MOC-00021616 do Bộ thương mại Vương quốc Campuchia cấp ngày 02 tháng 01 năm 2023	Ngân hàng thương mại	100,00%

(*) Theo hợp đồng liên doanh giữa Ngân hàng và Ngân hàng Shinsei (Nhật Bản), Ngân hàng được quyền bổ nhiệm Tổng Giám đốc.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN

2.1 Cơ sở lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn

Báo cáo tình hình sử dụng vốn được lập phù hợp với quy định tại Nghị định số 08/2023/NĐ-CP ngày 05/03/2023, Nghị định số 65/2022/NĐ-CP ngày 16/09/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn.

Báo cáo tình hình sử dụng vốn này được lập dựa trên số tiền Ngân hàng huy động từ việc chào bán các trái phiếu còn dư nợ tại ngày 30/06/2023, và số tiền cho vay đã được giải ngân thực tế để sử dụng theo phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu nêu trên và là một bộ phận trong tổng dòng thu, dòng tiền chi của Ngân hàng:

Trong đó:

- Thu từ huy động trái phiếu: là số tiền gốc trái phiếu thu được theo mệnh giá phát hành (không bao gồm các chi phí liên quan đến việc phát hành trái phiếu và các khoản chiết khấu hay phụ trội trái phiếu). Số tiền mà Ngân hàng thu được từ huy động trái phiếu đã được hạch toán vào tổng nguồn vốn huy động của Ngân hàng theo số tiền thực thu; và

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo kèm theo)

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN (TIẾP)

2.1 Cơ sở lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn (tiếp)

- Chi sử dụng vốn huy động từ trái phiếu: là số tiền chi thực tế từ nguồn thu huy động trái phiếu ở trên và không bao gồm lãi trái phiếu phải trả. Số tiền cho vay từ nguồn vốn huy động thu được từ các trái phiếu còn dư nợ tại ngày 30/06/2023 được ghi nhận theo số tiền thực tế giải ngân cho khách hàng cá nhân và doanh nghiệp.

Việc sử dụng nguồn vốn thu được từ các đợt trái phiếu riêng lẻ còn dư nợ tại ngày 30/06/2023 được tính từ lần giải ngân đầu tiên từ tài khoản thu tiền phát hành trái phiếu. Ngân hàng ưu tiên việc sử dụng hết nguồn tiền huy động từ phát hành trái phiếu cho mục đích giải ngân các khoản cho vay khách hàng cá nhân và doanh nghiệp theo đúng mục đích phát hành của trái phiếu đã công bố sau đó mới sử dụng các nguồn khác phục vụ giải ngân cho hoạt động cho vay.

2.2 Kỳ báo cáo

Báo cáo về tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu đối với trái phiếu còn dư nợ tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 ("các trái phiếu còn dư nợ") cho giai đoạn từ ngày phát hành tới ngày 30 tháng 06 năm 2023.

2.3 Mục đích sử dụng báo cáo

Báo cáo này được lập trên cơ sở thực thu - thực chi từ các đợt chào bán trái phiếu riêng lẻ tại thị trường trong nước đối với các trái phiếu còn dư nợ. Báo cáo tình hình sử dụng vốn này chỉ sử dụng cho mục đích đáp ứng yêu cầu của Cơ quan quản lý Nhà nước theo quy định tại Nghị định 08/2023/NĐ-CP ngày 05/03/2023, Nghị định số 65/2022/NĐ-CP ngày 16/09/2022 sửa đổi bổ sung Nghị định số 153/2020/NĐ-CP và Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế mà không sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.

Báo cáo này chỉ liên quan đến tình hình sử dụng vốn đối với các trái phiếu còn dư nợ tại ngày 30/06/2023 mà không liên quan tới Báo cáo tài chính của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong báo cáo

Báo cáo tình hình sử dụng vốn đối với các trái phiếu còn dư tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2023

Phòng Kinh doanh Trái
phiếu và Phát hành

Phòng Tài Chính

Phòng Hỗ trợ Treasury
và Đầu tư

Phó Tổng Giám đốc

Phạm Hồng Quân

Ngô Trường Giang

Đỗ Thị Hải Yến



Nguyễn Minh Châu